

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2025/DS-PT

Ngày 06 - 5 - 2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí

Các Thẩm phán:

- Bà Huỳnh Thị Kiều Anh.
- Bà Giang Thị Cẩm Thuý.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLPT-DS, ngày 09/01/2025 về việc “**Tranh chấp chấp quyền sử dụng đất**”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2024/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Huỳnh Văn Đ**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông **Tạ Thanh Đ1**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà **Tạ Thị L**, sinh năm 1963 (có mặt).

3.2. Bà **Huỳnh Thanh H**, sinh năm 1959 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. **Ủy ban nhân dân huyện Đ**, tỉnh Bạc Liêu.

Trụ sở: Ấp Gò Cát, xã Điện Hải, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Tuấn K** - Chủ tịch (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Tạ Thanh Đ1.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông Huỳnh Văn Đ là nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp với ông Tạ Thanh Đ1 là của cha mẹ ông là cụ Huỳnh Văn C, cụ Trần Thị D (đã chết) khai phá trước năm 1975 và sử dụng. Đến năm 2001, phần đất này ông C cho lại vợ chồng ông Đ sử dụng cho đến nay. Khi cho chỉ nói bằng miệng không có làm giấy tờ, các anh chị em trong gia đình ai cũng biết và thừa nhận.

Ông Đ sử dụng đất đến khoảng tháng 02/2018, ông Tạ Thanh Đ1 là hộ giáp ranh hướng Nam xây dựng lấn chiếm qua phần đất diện tích ngang khoảng 3,7m dài 17,55m, tổng diện tích là 64,2m². Theo đo đạc thực tế ngày 31/05/2023 là 102,8m², trong đó diện tích 65.3m² do ông Huỳnh Văn Đ kê khai đăng ký trong Sổ mục kê đất đai vào năm 2006 và phần đất tranh chấp diện tích 37.5m² do ông Tạ Thanh Đ1 kê khai đăng ký trong Sổ mục kê đất đai vào năm 2006.

Ông Huỳnh Văn Đ yêu cầu ông Tạ Thanh Đ1 có nghĩa vụ giao trả diện tích đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế là 65.3m² (trừ chỉ giới huy hoạch giao thông là 15.5m²), phần đất tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Ông Đ rút lại một phần yêu cầu đối với diện tích đất 37.5m², do ông Tạ Thanh Đ1 kê khai đăng ký trong sổ mục kê đất đai năm 2006.

Theo bị đơn ông Tạ Thanh Đ1 trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông và ông Huỳnh Văn Đ là của cha mẹ chết để lại cho ông Đ1 từ năm 2001, diện tích ngang khoảng 21m, dài khoảng 18m, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất này ông Đ1 có kê khai với cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi làm lộ nông thôn thì ông Đ1 đã đóng góp cùng Nhà nước làm con lộ nông thôn phía trước nhà là ngang 21m. Quá trình sử dụng đất, bà Huỳnh Thị C1 là em ruột của ông Huỳnh Văn Đ khởi kiện ông Đ1 lấn chiếm đất sau đó không khởi kiện nữa. Đến năm 2022, ông Huỳnh Văn Đ khởi kiện ông Đ1 lấn chiếm đất cho đến nay. Phần đất tranh chấp ông Huỳnh Văn Đ kê khai không đúng sự thật, kê khai qua phần đất của ông, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị L trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ, không trình bày bổ sung gì thêm. Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thanh H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bị đơn ông Tạ Thanh Đ1, không trình bày bổ sung gì thêm. Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2024/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Đ đối với ông Tạ Thanh Đ1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Buộc ông Tạ Thanh Đ1 có nghĩa vụ giao trả cho ông Huỳnh Văn Đ diện tích đất 65,3m² (trừ chỉ giới huy hoạch giao thông là 15,5m²), tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Huỳnh Văn Đ có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan chuyên môn có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Đ đối với ông Tạ Thanh Đ1 về việc tranh chấp diện tích đất 37,5m² (trừ chỉ giới huy hoạch giao thông là 4,5m²), tọa lạc ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2024, bị đơn ông Tạ Thanh Đ1 kháng cáo: Yêu cầu không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn buộc ông trả diện tích 65,3m².

Ngày 30/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị, yêu cầu hủy án sơ thẩm với các lý do: Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ dẫn đến đánh giá chưa khách quan, toàn diện vụ án; tuyên án gây khó khăn cho công tác thi hành án; tuyên về án phí không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Tạ Thanh Đ1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu thay đổi kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 284, Điều 298, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tạ Thanh Đ1, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu về việc buộc bà Huỳnh Thanh H cùng ông Tạ Thanh Đ1 giao trả phần đất tranh chấp và xác định án phí sơ thẩm không có tên ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu có yêu cầu

xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên toà, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu thay đổi kháng nghị từ huỷ bản án sơ thẩm sang sửa một phần bản án sơ thẩm. Cụ thể: Buộc bà Huỳnh Thanh H cùng có trách nhiệm với ông Tạ Thanh Đ1 giao trả phần đất tranh chấp cho ông Huỳnh Văn Đ. Rút lại một phần kháng nghị, cụ thể đối với các kháng nghị: Đưa thiếu người tham gia tố tụng; chưa thu thập làm rõ hồ sơ cấp giấy và cách tuyên về án phí. Căn cứ khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các kháng nghị đã rút, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Huỳnh Văn Đ yêu cầu ông Tạ Thanh Đ1 có nghĩa vụ giao trả diện tích đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế là 65.3m² (trừ chỉ giới huy hoạch giao thông là 15.5m²), thuộc 1 phần thửa 119, tờ bản đồ 11, phần đất tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Huỳnh Văn Đ, có cạnh dài 2.85m;

Hướng Tây giáp đường bê tông, có cạnh dài 4.40m;

Hướng Nam giáp phần đất tranh chấp, có cạnh dài 3.62 + 14.38m;

Hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn Đ, có cạnh dài 3.62 + 14.38m.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, Bản hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 31/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu)

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Tạ Thanh Đ1:

[3.1] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng diện tích đất tranh chấp do cha mẹ các bên cho lại, nên không thống nhất về nguồn gốc đất.

[3.2] Xét về quá trình đăng ký kê khai, cấp quyền sử dụng đất: Tại Công văn số 54/VPĐKĐĐ ngày 29/02/2024 và Công văn số 124/VPĐKĐĐ ngày 26/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (bút lục 236) xác định: Diện tích đất tranh chấp 65,3m² thuộc một phần thửa 119, tờ số 11 (thuộc một phần thửa 101 theo bản đồ 299 được thành lập năm 1995), chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, tổ chức nào. Năm 1995, thửa 101 do ông Lê Hữu N kê khai và đăng ký sổ mục kê. Vào năm 2006, ông Huỳnh Văn Đ đã kê khai, đăng ký sổ mục kê.

Tại biên bản lấy lời khai ông Lê Hữu N trình bày: Ông có sử dụng đất gần phần đất tranh chấp giữa các bên, nhưng từ trước đến nay ông không sử dụng phần đất tranh chấp. Ông cũng không biết lý do gì ông đứng tên sổ mục kê đối với phần đất tranh chấp vào thời điểm năm 1995 (bút lục 237).

Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp do ông Huỳnh Văn Đ đứng tên Sổ mục kê từ năm 2006.

[3.3] Xét về quá trình sử dụng đất:

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Toà án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu thể hiện diện tích đất tranh chấp là đất trống, các đương sự không có công trình, tài sản gì trên đất.

Bị đơn ông Tạ Thanh Đ1 cho rằng mình đang trực tiếp sử dụng đất tranh chấp và yêu cầu xác minh người làm chứng. Người làm chứng ông Nguyễn Hoàng T, bà Huỳnh Ngọc T1 xác định trước đây từ khoảng năm 2002, ông Đ1 có chuồng gà trên đất và khoảng 02-03 năm gần đây thì để đất trống (bút lục 252-254). Người làm chứng bà Trần Hồng N1, bà Đặng Thị Đ2 có nghe nói và biết: Phần đất tranh chấp ông Đ1 có sử dụng để nuôi gà, còn thời gian sử dụng, nguồn gốc đất và ranh giới giữa các bên, các bà không biết (bút lục 251, 255).

Các đương sự cho rằng phần đất tranh chấp do mình sử dụng, nhưng những người làm chứng ông Đ1 cung cấp cũng không thống nhất nhau về quá trình sử dụng đất của ông Đ1, nên cũng không đủ làm căn cứ xác định đất tranh chấp do ông Đ1 quản lý, sử dụng.

Ông Tạ Thanh Đ1 xác định phần đất tranh chấp là của ông Đ1 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và cũng không kê khai đăng ký. Mặt khác, đối chiếu diện tích ông Đ kê khai đăng ký trong sổ mục kê đất đai vào năm 2006 tại thửa 119 có diện tích là 304m² nhưng diện tích đất thực tế ông Đ sử dụng là 198.3m² cộng với phần đất tranh chấp do ông Đ kê khai là 65.3m², tổng diện tích 263.3m² là còn thiếu diện tích đất 40,7m². Trong khi phần đất ông Tạ Thanh Đ1 kê khai tại thửa 120 có diện tích là 288.7m² nhưng diện tích đất thực tế ông Đ1 sử dụng là 277.6m² cộng với phần đất tranh chấp do ông Đ1 kê khai là 37.5m², tổng diện tích 315.1m² là thừa diện tích 26,4m².

[3.4] Từ phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ1.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị buộc vợ ông Đ1 là bà Huỳnh Thanh H cùng có trách nhiệm giao trả đất tranh chấp cho ông Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Như phân tích tại mục [3], đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Huỳnh Văn Đ. Bị đơn ông Tạ Thanh Đ1 cho rằng mình đang quản lý đất và đây là tài sản chung của vợ chồng, nhưng cấp sơ thẩm không buộc bà Huỳnh Thanh H cùng có trách nhiệm giao trả đất cho ông Đ là thiếu sót, nên có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm theo nhận định này, theo quy định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí phúc thẩm: Ông Tạ Thanh Đ1 phải chịu 300.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn toàn bộ, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 285, điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 2, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 166, Điều 170 và khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tạ Thanh Đ1.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đối với các kháng nghị: Đưa thiều người tham gia tố tụng; chưa thu thập làm rõ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cách tuyên án về án phí.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ đối với ông Tạ Thanh Đ1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Buộc ông Tạ Thanh Đ1 và bà Huỳnh Thanh H có nghĩa vụ giao trả cho ông Huỳnh Văn Đ diện tích đất 65.3m² (trong đó có 15.5m² thuộc đất chỉ giới quy hoạch giao thông) thuộc 1 phần thửa 119, tờ bản đồ 11, do ông Huỳnh Văn Đ kê khai đăng ký trong sổ mục kê đất đai vào năm 2006, phần đất tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Huỳnh Văn Đ, có cạnh dài 2.85m;

Hướng Tây giáp đường bê tông, có cạnh dài 4.40m;

Hướng Nam giáp phần đất tranh chấp, có cạnh dài 3.62 + 14.38m;

Hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn Đ, có cạnh dài 3.62 + 14.38m.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, Bản hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 31/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu).

Ông Huỳnh Văn Đ được quyền sử dụng diện tích đất 65.3m² (trong đó có 15.5m² thuộc đất chỉ giới quy hoạch giao thông) thuộc 1 phần thửa 119, tờ bản đồ 11 và được quyền đăng ký kê khai đối với phần diện tích đất này.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Đ đối với ông Tạ Thanh Đ1 về việc tranh chấp diện tích đất 37.5m² (trừ chỉ giới huy hoạch giao thông là

4.5m²), phần đất tọa lạc ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí, tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Lê Hữu N, có cạnh dài 2,85m;

Hướng Tây giáp đường bê tông, có cạnh dài 1,3m;

Hướng Nam giáp phần đất ông Tạ Thanh Đ1, có cạnh dài 3.76 + 14.24m;

Hướng Bắc giáp đất tranh chấp, có cạnh dài 3.62 + 14.38m.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, Bản hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 31/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu).

4. Chi phí tố tụng: Ông Tạ Thanh Đ1 có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Huỳnh Văn Đ số tiền 3.256.902 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn chín trăm lẻ hai đồng).

5. Về án phí dân sự:

Ông Tạ Thanh Đ1 được miễn nộp án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Ông Huỳnh Văn Đ không phải chịu án phí.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Phan Công Trí